

# PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC Ở VIỆT NAM

ThS. Trần Văn Kết

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh toàn cầu hoá sâu rộng, kinh tế tri thức (KTĐT) đang ngày càng lan tỏa mạnh mẽ. Đối với Việt Nam, KTĐT mở ra cơ hội lớn trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đi lên chủ nghĩa xã hội. Nếu biết tận dụng cơ hội này, Việt Nam sẽ nắm bắt được thời cơ, từ đó có thể rút ngắn được cách biệt phát triển với các quốc gia phát triển trên thế giới. Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển KTĐT” và vạch ra lộ trình rõ nét hơn về việc “phát huy và sử dụng có hiệu quả nhất nguồn tri thức của con người Việt Nam và khai thác nhiều nhất tri thức của nhân loại. Xây dựng và triển khai lộ trình phát triển KTĐT đến năm 2020”. Bài viết làm rõ khái niệm, đặc trưng của KTĐT, thực trạng KTĐT ở Việt Nam và đề xuất một số giải pháp mang tính định hướng phát triển KTĐT ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Kinh tế tri thức, phát triển kinh tế tri thức.

**Summary:** In the context of extensive globalization, the knowledge economy (KE) is spreading more and more strongly. For Vietnam, the market economy opens up great opportunities in the process of industrialization, modernization, and toward to socialism. If Vietnam knows how to take advantage of this opportunity, Vietnam will seize the opportunity, thereby shorten the development gap with developed countries in the world. The XI Congress of the Communist Party of Vietnam affirmed: “Industrialization and modernization are associated with the development of the KE” and outlined a clearer roadmap for “promoting and using the most effective knowledge resources” of Vietnamese people and exploitation of the human knowledge. Formulate and implement a roadmap for the development of the KE to 2020”. The article clarifies the concept and characteristics of the KE, the current state of the KE in Vietnam, and proposes some oriented solutions for the development of the KE in Vietnam.

**Keywords:** Knowledge economy, development of knowledge economy.

## 1. Khái niệm và đặc trưng của kinh tế tri thức

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại là tiền đề cho sự hình thành và phát triển KTĐT. Ba phát minh vĩ đại của trí tuệ nhân loại nửa đầu thế kỷ XX: Thuyết tương đối của Anhtan, Thuyết lượng tử của Blăngơ và phát hiện ra mật mã di truyền của Oatxơn và Gricơ đã mở ra một thời kỳ mới của khoa học và công

nghệ hiện đại. Từ đây, đã hình thành một hệ thống công nghệ mới, như: công nghệ vi điện tử, máy tính, quang điện, laze, vật liệu mới, hạt nhân, gen, tế bào, v.v.

Đến giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX, cuộc cách mạng khoa học – công nghệ chuyển sang giai đoạn mới của bùng nổ công nghệ, từ đó tạo ra một cuộc chạy đua ráo riết để chiếm lĩnh công nghệ cao trước thiên niên kỷ mới. Cuộc cách mạng

công nghệ này đã tạo nên bộ mặt mới của nền kinh tế, tạo tiền đề hình thành KTTT và xã hội thông tin.

Trong nền kinh tế mới này, tri thức và thông tin đã trở thành yếu tố sản xuất quan trọng nhất, hơn cả vốn, nguyên, nhiên liệu và năng lượng. Ngày nay, sự xuất hiện của các ngành công nghệ cao, như: công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ năng lượng và công nghệ thông tin, đã phát triển rất mạnh mẽ, trở thành trụ cột của các nền kinh tế, tạo ra những biến đổi to lớn trong lực lượng sản xuất và toàn bộ xã hội loài người.

Các chuyên gia của tổ chức Liên hợp quốc dự đoán, vào khoảng năm 2030, ở các quốc gia phát triển, KTTT về cơ bản sẽ hình thành, và đến cuối thế kỷ XXI, nhân loại sẽ bước vào thời đại KTTT.

Những năm gần đây, người ta đã dùng nhiều tên gọi khác nhau để chỉ giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế này, như: “kinh tế thông tin”, “kinh tế mạng”, “kinh tế số”; “kinh tế học hỏi”; “kinh tế dựa vào tri thức”, “kinh tế được dẫn dắt bởi tri thức”, “kinh tế tri thức”.

Trong số các tên gọi trên, “kinh tế tri thức” được sử dụng phổ biến nhất. Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD 1996) định nghĩa: “KTTT là nền kinh tế ngày càng phụ thuộc trực tiếp vào việc sản xuất, phân phối và sử dụng tri thức và thông tin”. Theo Bộ Công nghiệp và Thương mại Anh năm 1998: “Nền kinh tế dẫn dắt bởi tri thức là nền kinh tế trong đó sản sinh ra và khai thác tri thức giữ vai trò nổi bật nhất trong việc tạo ra của cải”. Như vậy, theo định nghĩa của OECD, KTTT có nghĩa là phát triển các

ngành kinh tế dựa nhiều vào tri thức, các ngành kinh tế công nghệ cao, vì vậy một số nước đã tập trung vào phát triển công nghệ cao, mà chưa quan tâm đến việc phát triển và ứng dụng tri thức vào tất cả các lĩnh vực kinh tế. Vì thế, Tổ chức Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) điều chỉnh lại: “KTTT là nền kinh tế mà trong đó sự sản sinh ra, truyền bá và sử dụng tri thức là động lực chủ yếu nhất cho sự tăng trưởng, tạo ra của cải, tạo việc làm trong tất cả các ngành kinh tế”. Định nghĩa này nhấn mạnh việc sử dụng tri thức trên tất cả các lĩnh vực. Theo GS. Đặng Hữu, KTTT là nền kinh tế trong đó sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Như vậy, KTTT là nền kinh tế, trong đó khoa học, công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là yếu tố quyết định hàng đầu đối với việc sản xuất ra của cải, sức cạnh tranh và triển vọng phát triển. Nhân tố quan trọng nhất trong KTTT là việc chiếm hữu, phân phối nguồn trí lực, sáng tạo và sử dụng tri thức trong những ngành sản xuất có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao. KTTT là kinh tế phát triển trong xã hội tri thức hóa ở mức độ cao.

KTTT có một số đặc trưng cơ bản được các nhà nghiên cứu đúc kết lại như sau:

*Thứ nhất*, nền kinh tế chủ yếu dựa vào tri thức. Trong nền kinh tế tri thức trở thành nguồn lực có ý nghĩa quyết định nhất đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Khác với các nền kinh tế truyền thống (nền kinh tế nông nghiệp, nền kinh tế công nghiệp), tri thức trong KTTT là

nguồn lực có vị trí quyết định nhất đối với sản xuất; là động lực quan trọng nhất cho sự phát triển kinh tế; tham gia vào quá trình quản lý, điều khiển sản xuất, đồng thời trực tiếp là một thành tố trong các sản phẩm tương tự như nguyên liệu sản xuất. Ngày nay, đúng như dự báo của C.Mác, tri thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Xu hướng này ngày càng được thấy rõ hơn: trên 50% GDP hàng năm của các nước OECD có nguồn gốc từ tri thức; có tới 60% công nhân Mỹ là công nhân tri thức; trong cơ cấu giá trị các sản phẩm, giá trị được cấu thành từ tri thức chiếm 70% – 80%, thậm chí có những sản phẩm còn cao hơn.

*Thứ hai*, KTTT mang tính chất toàn cầu. Quá trình phát triển khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và truyền thông, phát triển KTTT, cùng với quá trình phát triển thương mại, thị trường và quá trình toàn cầu hóa, nhất thể hóa các nền kinh tế là những quá trình đi liền nhau, gắn quyện với nhau, tác động qua lại, thúc đẩy nhau phát triển. Ngày nay, sự sản sinh ra, truyền bá và sử dụng tri thức không còn nằm trong phạm vi biên giới một quốc gia. KTTT ra đời trong điều kiện nền kinh tế thế giới toàn cầu hóa; hầu như tất cả ngành sản xuất, dịch vụ đều dựa vào nguồn cung ứng từ nhiều nước và được tiêu thụ trên toàn thế giới. Người ta thường gọi, KTTT là nền kinh tế toàn cầu hóa nối mạng, hay là nền kinh tế toàn cầu dựa vào tri thức.

*Thứ ba*, KTTT có tốc độ hoạt động nhanh và đổi mới nhanh. Sáng tạo trở thành động lực trực tiếp của sự phát triển. Trong KTTT, sự sáng tạo ra cái mới có

chất lượng cao hơn, thời gian đi tới người tiêu dùng nhanh hơn quyết định năng lực cạnh tranh. Kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả là do sự thay đổi không ngừng về công nghệ, đổi mới sản phẩm. Với nền tảng tri thức to lớn và phong phú, con người có thể sáng tạo, sáng chế những phát minh những sản phẩm, quy trình, công nghệ mới có khả năng tăng lên gấp bội tiềm lực kinh tế. Đồng thời, quyền sở hữu trí tuệ trở nên quan trọng nhất, hơn cả vốn tài chính, tài nguyên, đất đai. Mặt khác, trong KTTT, công nghệ được đổi mới với tốc độ nhanh hơn dẫn đến vòng đời của một công nghệ được rút ngắn lại, làm chúng nhanh chóng trở nên lạc hậu. Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của kinh tế thị trường, sự đổi mới công nghệ, sự năng động nhạy bén với sự thay đổi là yếu tố cơ bản tạo nên năng lực cạnh tranh của mỗi chủ thể, đảm bảo nền tảng cho sự tồn tại và phát triển bền vững của mỗi chủ thể. “Sáng tạo là linh hồn của sự đổi mới”, có nghĩa là, khoa học thực sự trở thành lực lượng sản xuất hàng đầu; tri thức khoa học là yếu tố quan trọng tạo nên lợi thế cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp và mỗi quốc gia, được coi là động lực của sự phát triển; đầu tư vào nghiên cứu phát minh ngày càng được xem trọng hơn.

*Thứ tư*, phương thức phát triển cơ bản của KTTT là xã hội học tập, học tập suốt đời cho mọi người. Để có được tri thức, mọi người cần học tập thường xuyên hơn nữa, có tổ chức và dưới nhiều hình thức, mới có thể tiếp thu và biến tri thức chung thành cái của mình. Hơn nữa, muốn sử dụng tri thức chung như một loại hàng hóa thông thường, mỗi người

lại phải biết chuyển hóa những tri thức đó thành kỹ năng. Với KTTT, việc có được nhiều hay ít tri thức là do quá trình học tập, tiếp thu tri thức và năng lực chuyển hóa tri thức của mỗi người. Xã hội học tập chính là nền tảng của KTTT. Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO) đã nêu lên bốn trụ cột của giáo dục, xem đó như một trong bốn chìa khóa để bước vào thế kỷ XXI: học để biết, học để lao động, học cách chung sống và học cách tồn tại. Vai trò của giáo dục - đào tạo trong việc nâng cao năng lực của con người ngày càng được quan tâm. Con người là trung tâm của sự phát triển và đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển.

*Thứ năm*, công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ, rộng rãi và hiệu quả cao trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Mạng thông tin trở thành cơ sở hạ tầng quan trọng nhất của xã hội và nền kinh tế. Mỗi cá nhân, mỗi hộ gia đình, mỗi doanh nghiệp và tổ chức ở các quốc gia có nhu cầu thông tin có thể truy cập một cách dễ dàng, khai thác, sử dụng thông tin trong các hoạt động của mình một cách tự nhiên, một nhu cầu tất yếu không thể thiếu trong cuộc sống. Internet đã làm thay đổi cách suy nghĩ, học tập, làm việc, sản xuất, kinh doanh, tổ chức quản lý, giao tiếp. Nhiều quốc gia trên thế giới, các nước phát triển và cả những nước đang phát triển đã xem phát triển công nghệ thông tin là kinh tế mũi nhọn thúc đẩy sự phát triển. Công nghệ thông tin trực tiếp và nhanh chóng làm thay đổi cơ cấu sản xuất, tạo ra hàng hóa mới, thúc đẩy tiến bộ khoa học và công nghệ,

góp phần tăng trưởng kinh tế, phục vụ cho nhu cầu học tập, nghiên cứu, giải trí, đồng thời còn là công cụ hữu hiệu của các tổ chức nhằm phân tích, đưa ra các quyết định điều hành sản xuất và thương mại. Công nghệ thông tin không những làm giảm chi phí tài chính, chi phí thời gian trong việc tìm kiếm thông tin mới, cần thiết mà còn kích thích, tạo điều kiện cho các phát minh mới về khoa học - công nghệ, từ đó thúc đẩy năng suất, chất lượng và hiệu quả.

*Thứ sáu*, KTTT là nền kinh tế phát triển bền vững và thân thiện với môi trường. Trong nền KTTT, sự phát triển của nó là dựa trên cơ sở công nghệ cao, sử dụng một cách hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên và không gây ô nhiễm môi trường sống của con người; đồng thời khai phá nguồn tài nguyên thiên nhiên còn chưa được tận dụng hết để thay thế nguồn tài nguyên thiên nhiên quý hiếm đang gần cạn kiệt. Ví dụ, hiện nay nguồn năng lượng hóa thạch đang gây ô nhiễm nặng nề với nguy cơ về sự cạn kiệt dầu khí (giá dầu hiện nay có lúc đã lên đến hơn 130USD/thùng) đang là nguy cơ đối với tính bền vững, thì nhờ hệ thống công nghệ cao, KTTT có thể chuyển sang hệ năng lượng mới rẻ tiền và phân phối đồng đều như năng lượng mặt trời, năng lượng nhiệt hạch; nhân loại sẽ bước vào thời kỳ phát triển bền vững.

## **2. Cơ hội và thách thức của kinh tế tri thức đối với Việt Nam**

Trong xu thế phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ và toàn cầu hóa hiện nay, các nước đang phát triển như Việt Nam có nhiều cơ hội

nắm bắt các tri thức mới, công nghệ mới để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế. Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ các mô hình kinh tế đi trước cùng với việc biết phát huy nội lực và những lợi thế so sánh, tranh thủ nguồn ngoại lực sẽ giúp chúng ta có được những bước đi phù hợp để phát triển KTTT ở Việt Nam.

Tuy nhiên, Việt Nam bước vào xây dựng KTTT với điểm xuất phát thấp, còn đối mặt với nhiều thách thức rất gay gắt nảy sinh từ thực trạng nền kinh tế còn non yếu trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang trong quá trình toàn cầu hóa mạnh mẽ, do chủ nghĩa tư bản chi phối, cũng như các thách thức khác như: khoảng cách phát triển và khoảng cách giàu nghèo giữa các quốc gia gia tăng nhanh, nhiều mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc.

Việt Nam bước vào KTTT trong khi sự chênh lệch về công nghệ với các nước phát triển là rất xa; những lợi thế về tài nguyên và nguồn lao động rẻ không còn là ưu thế, trong khi giá các sản phẩm công nghệ trên thị trường có giá rất cao. Mặt khác, các nước giàu đang dần đẩy các công nghệ tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu, và gây ô nhiễm sang các nước đang phát triển dưới hình thức đầu tư, khiến cho nguy cơ rủi ro đối với nền kinh tế nước ta ngày càng lớn. Nạn chảy máu chất xám cũng làm cho Việt Nam mất đi một nguồn lực đáng kể.

### **3. Thực trạng phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam**

Từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) tới nay, trải qua hơn 35 năm

đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật tạo điều kiện để Việt Nam đẩy mạnh phát triển KTTT. Cụ thể:

Về môi trường thể chế, nếu như trong giai đoạn đầu đổi mới (1986-1990), mức tăng trưởng GDP bình quân hằng năm chỉ đạt 4,4%, thì giai đoạn 2016-2019 đạt mức bình quân 6,8%. Mặc dù năm 2020-2021, kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19, nhưng tốc độ tăng GDP của Việt Nam vẫn đạt dương và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực, thế giới. Gần đây, Đại hội lần thứ XIII (năm 2021), Đảng ta tiếp tục đưa ra định hướng phát triển tới năm 2030 là: “Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới”. Điều đó cho thấy môi trường thể chế hiện nay tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển kinh tế tri thức.

Về giáo dục, quy mô giáo dục tiếp tục được phát triển; cơ sở vật chất và chất lượng đào tạo từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực. Nhiều chỉ số về giáo dục phổ thông của Việt Nam được đánh giá cao trong khu vực. Theo xếp hạng của Tổ chức Quacquarelli Symonds, năm 2022, Việt Nam có 5 cơ sở giáo dục đại học xuất hiện trong bảng xếp hạng (Trường đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia

Hà Nội, Trường Đại học Duy Tân và Trường Đại học Tôn Đức Thắng).

Về sáng tạo, năm 2021, Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) đánh giá Việt Nam xếp thứ 44/132 quốc gia và nền kinh tế trong bảng xếp hạng Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII). Trong nhóm 34 quốc gia có thu nhập trung bình thấp được đưa vào danh sách xếp hạng GI năm 2021, Việt Nam tiếp tục giữ vị trí đứng đầu.

Về công nghệ thông tin, năm 2000, đóng góp của ngành Công nghiệp công nghệ thông tin - truyền thông khoảng 0,5% GDP của Việt Nam, với doanh thu 300 triệu USD và số lao động chiếm khoảng 0,11% tổng số lao động của Việt Nam. Sau 20 năm, ngành này đã có bước phát triển nhảy vọt, trong đó, riêng năm 2021, doanh thu của ngành tăng trưởng 9% so với năm 2020.

Theo đánh giá của WB về chỉ số KTTT của Việt Nam năm 2012, Việt Nam đứng thứ 104/145 quốc gia. Gần đây, năm 2021, Việt Nam được xếp hạng 64/137 quốc gia. Trong khi các chỉ số đánh giá kinh tế tri thức của Việt Nam vào năm 2012 còn khá khiêm tốn, thì sau một thập kỷ, các chỉ số của Việt Nam so với các quốc gia trong khu vực có sự tăng lên khả quan. Theo số liệu năm 2021, Việt Nam đang đứng thứ 3 về phát triển KTTT trong khu vực ASEAN.

Tuy nhiên, một số chỉ số vẫn còn khá khiêm tốn, như: chỉ số về nghiên cứu, phát triển và sáng tạo (Research, Development, Innovation Index) của Việt Nam còn thấp khi chỉ được đánh giá 28,2/100 điểm; các chỉ số về giáo dục đại học và công nghệ thông tin - truyền thông

lần lượt là 35,8/100 điểm và 40,9/100 điểm. Nền kinh tế Việt Nam phát triển vẫn chưa ổn định, bền vững; cơ bản còn phát triển theo chiều rộng, dựa vào vốn đầu tư, tài nguyên thiên nhiên, lao động phổ thông.

Hoạt động chuyển dịch sang phát triển theo chiều sâu dựa trên khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao còn chậm. Trong khi Việt Nam vẫn đang còn lợi thế về nguồn lực lao động dồi dào nhưng chất lượng nguồn lao động lại chưa cao. Do đó, nguồn nhân lực cho KTTT vẫn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Dự báo năm 2025, Việt Nam sẽ thiếu 100.000 nhân lực khi nhu cầu về lao động trong lĩnh vực công nghệ thông tin có thể tăng lên 530.000 người.

#### **4. Một số giải pháp cơ bản phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam**

*Thứ nhất*, cần hoàn thiện thể chế kinh tế và hệ thống pháp luật. Cải cách hành chính, đổi mới hệ thống chính trị, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh là khâu then chốt, đột phá để khơi dậy sức mạnh của toàn dân tiến vào nền kinh tế tri thức.

Nhà nước cần đóng vai trò “bà đỡ”, tạo khung khổ pháp lý thúc đẩy kinh tế phát triển, thu hút, khuyến khích đầu tư và hỗ trợ các điều kiện cần thiết để phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, triển khai. Có cơ chế phù hợp nhằm khuyến khích các nhà khoa học tham vấn, giám sát, phản biện và đóng góp xây dựng chủ trương, chính sách, cũng như tham dự vào các hình thức sinh hoạt chính trị quan trọng của đất nước.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật và xử lý hiệu quả hành vi vi phạm pháp luật trong kinh doanh, tài chính. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung kịp thời hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và các chính sách tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh; tránh mâu thuẫn, chông chéo giữa văn bản luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; có chính sách thuế phù hợp để khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế phát triển. Quan tâm thích đáng các vấn đề về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, bản quyền.

Tăng cường khả năng điều tiết vĩ mô của nhà nước. Sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, xóa bỏ đặc quyền và độc quyền kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Nhà nước cần có chính sách phát triển vùng, giảm thiểu mất cân đối giữa các khu vực, khuyến khích các địa phương tạo ra những lợi thế cạnh tranh riêng, hạn chế dần mức độ tập trung quá cao ở hai thành phố lớn gây ra những vấn đề đô thị nghiêm trọng, như tắc đường, kẹt xe, ô nhiễm,... Chú trọng trợ giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Hiện đại hóa nền hành chính, cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa quy trình, thực hiện tốt cơ chế một cửa và rút gọn thời gian giải quyết các công việc của doanh nghiệp, của công dân, giảm tiêu cực trong khi thi hành công vụ của cán bộ, công chức nhà nước. Đề cao trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước.

Phát triển hiệu quả an sinh xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt bảo hiểm thất nghiệp. Tăng cường kiểm tra và có biện

pháp chế tài các doanh nghiệp vi phạm pháp luật trong thực hiện các chính sách bảo hiểm cho người lao động.

*Thứ hai*, cần phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy nhân tố con người về tất cả các mặt trí tuệ, đạo đức, thể lực, năng lực lao động, sáng tạo và bản lĩnh chính trị, năng lực làm chủ những tiến bộ về công nghệ và tri thức khoa học tiên tiến. “Phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người”(13) là nhiệm vụ quan trọng. Để có được nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng với yêu cầu hiện nay, phải tạo được chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo. Giáo dục, đào tạo phải góp phần hơn nữa trong việc tạo ra tri thức, phát triển tri thức, quảng bá tri thức; thực sự trở thành ngành cơ bản trong nền KTTT; cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; nội dung dạy học phải cập nhật thường xuyên, cung cấp cho người học tri thức khoa học mới.

Khuyến khích đội ngũ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, cán bộ quản lý, sản xuất, kinh doanh, kỹ sư, công nhân bậc cao trong các ngành kinh tế mũi nhọn tự trau dồi kiến thức, kỹ năng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ,

không chỉ đáp ứng yêu cầu của công việc mà còn góp phần phát triển bền vững các lĩnh vực, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Cần phát triển mạng lưới kết nối nhân tài người Việt Nam, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ cho mục tiêu hiện đại hóa lực lượng sản xuất của đất nước. Có chính sách phát triển và trọng dụng nhân tài, tránh chảy máu chất xám.

*Thứ ba*, cần xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin. Chú trọng thực hiện đồng bộ các chính sách thu hút đầu tư, chính sách tài chính để khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, ít sử dụng tài nguyên, năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; xây dựng cơ sở hạ tầng - công nghệ tiên tiến, hiện đại; quan tâm chi đầu tư cho khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển đồng bộ kinh tế số; hướng đến xây dựng cơ sở hạ tầng chất lượng cao phục vụ cuộc sống của nhân dân, như: đô thị thông minh, các dịch vụ trực tuyến, v.v.

Phát triển mạnh hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin làm đòn bẩy khơi dậy mọi tiềm năng, nội lực trong nước; cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, mạng viễn thông và internet, nâng cao mức độ sẵn sàng kết nối mạng; tiếp tục phát triển và hoàn thiện hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin theo hướng rộng, đa phương tiện nhằm thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, chính phủ điện tử, giáo dục điện tử, y tế điện tử; bảo đảm hệ thống mạng thông tin trong nước đạt

trình độ tiên tiến trong khu vực, kết nối mọi miền đất nước với tốc độ cao, dung lượng lớn, giá cước thấp.

Tất cả trường học, bậc học, cấp học đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và tri thức khoa học trong giáo dục, đào tạo. Đảng và Nhà nước cần quan tâm, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục, phần đầu toàn bộ học sinh từ cấp tiểu học trở lên ở tất cả các vùng miền đều được tiếp cận và sử dụng máy vi tính, internet phục vụ cho học tập; xây dựng các chương trình, hoạt động đào tạo và bồi dưỡng phát triển kỹ năng mềm, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học; phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên cao đẳng, đại học trong việc tự học tập, nghiên cứu khoa học. Xây dựng các trung tâm thông tin - tư liệu, đặc biệt là thư viện điện tử kết nối các trường đại học trong và ngoài nước; các phòng thí nghiệm quốc gia, các trường đại học trọng điểm, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục, nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ và trao đổi tri thức cho học sinh, sinh viên.

Tích cực và chủ động hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ nguồn ngoại lực, lựa chọn và khuyến khích đối tác chiến lược là các quốc gia có nền khoa học, công nghệ tiên tiến đầu tư vào Việt Nam. Khuyến khích xây dựng các trung tâm nghiên cứu phát triển, phát triển công nghiệp; xây dựng các khu công nghệ cao với hạt nhân là vườn ươm công nghệ, vườn ươm doanh nghiệp hiện đại với lao động chất lượng và năng suất cao.

*Thứ tư*, sử dụng có hiệu quả thành tựu của KTTT. Sử dụng tri thức mới,

công nghệ mới đẩy nhanh dịch chuyển cơ cấu và tốc độ tăng trưởng. Những lĩnh vực kinh tế vẫn còn có thể tiếp tục sử dụng công nghệ truyền thống, nhưng cần được cải tiến bằng những tri thức mới để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Ứng dụng triệt để những thành tựu của công nghệ mới nhất, của tri thức, của nền kinh tế tri thức mang lại, nhằm tạo những bước nhảy vọt của toàn nền kinh tế.

Sử dụng tri thức để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp tri thức. Đưa thông tin và tri thức về nông thôn để nâng cao dân trí, giúp người dân nắm bắt những tri thức mới cần thiết cho sản xuất, cho đời sống.

Sử dụng tri thức để cải tạo và đổi mới các ngành công nghiệp, dịch vụ truyền thống. Nhanh chóng phát triển và hiện đại hóa các ngành dịch vụ thương mại, tài chính, ngân hàng, viễn thông. Tiếp tục phát triển công nghệ thông tin nhằm thúc đẩy các ngành dịch vụ phát triển.

### Kết luận

Bối cảnh quốc tế mới với việc khoa học công nghệ phát triển như vũ bão là cơ hội để Việt Nam đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nước ta cần tận dụng cơ hội với việc thực hiện chiến lược phát triển đi tắt, đón đầu, rút ngắn khoảng cách, không bị tụt hậu so với nền kinh tế thế giới. Đi tắt cũng có nghĩa là phải kết hợp hai quá trình: chuyển từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp và từ kinh tế công nghiệp lên KTTT. Ở Việt Nam, hai quá trình ấy phải tiến hành đồng thời, gắn kết nhau, hỗ trợ cho nhau. Vì vậy, phát triển KTTT trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa là đòi hỏi tất yếu đối với nước ta để đi nhanh tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ văn minh, góp phần đưa Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, bắt kịp sự phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới. Kinh tế tri thức vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc xây dựng xã hội mới./.

### Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Đặng Hữu (2000), *Nền kinh tế tri thức - nhận thức và hành động*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
3. Đặng Hữu (2004), *Kinh tế tri thức, thời cơ và thách thức đối với sự phát triển của Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. TS. Vũ Trọng Lâm (2004), *Kinh tế tri thức ở Việt Nam, quan điểm và giải pháp phát triển*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.